TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÔNG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày 30/9/2020
Vv tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thược.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Linh.

2. Ông Bùi Quang Tý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03 /2020/TLST-DS ngày 11/5/2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-DS ngày 17/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn C (Nguyễn Q), sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn HA, xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn PH, xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị B (Lê Thị Kh), sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn HA, xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bà Lê Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn PH, xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/8/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị B (Vợ ông Nguyễn C) tham gia tố tụng với bên nguyên đơn, không có yêu cầu độc lập trình bày:

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp, vào năm 1993 cha mẹ ông Nguyễn C tiến hành khai hoang để trồng lúa rẫy, sau một thời gian thì cha mẹ ông Nguyễn C về lại quê để lại cho vợ chồng tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất tại Khe Ông K, Thôn HA, xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trong khoảng thời gian từ năm 1996-1998, có Đoàn đo đạc cùng với cán bộ xã Hương Phú tiến hành đo đạc thửa đất, ông Nguyễn C đi theo để chỉ ranh giới thửa đất đang sử dụng, giáp ranh phía bên kia Khe Ông K có hộ gia đình ông Trần H, phía trên đồi có hộ ông Nguyễn Văn V cùng khai hoang trồng trọt, không có đất của ông Huỳnh Minh Đ.

Năm 2014, ông Huỳnh Minh Đ dùng máy xúc để san ủi một phần diện tích đất mà ông Nguyễn C đã đăng ký kê khai quyền sử dụng đất để mở đường chở Keo cho các hộ dân ở phía trong, con đường đi này nằm sát với Khe Ông K và thửa đất của ông Cúc bà Bảo. Sau khoảng 01 tháng ông Nguyễn C phát hiện thì nói với Ông Đ là mở đường đi trên phần đất của ông Nguyễn C mà không có ý kiến của ông Nguyễn C thì Ông Đ trả lời đất nằm sát bờ khe. Ông Đ đã lỡ làm đường chở Keo rồi thì để Ông Đ chở Keo hết thời vụ, nhưng sau khi chở Keo xong thì Ông Đ còn trồng Keo trên con đường đó, ông Nguyễn C quyết liệt phản đối, nhổ Keo Ông Đ trồng và gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã Hương Phú yêu cầu giải quyết. Ngày 09/5/2014, UBND xã Hương Phú tiến hành hòa giải, kết luận: "Trước đây Ông Đ đã mở đường chở Keo, sau khi chở Keo xong Ông Đ đã trồng Keo lại trên đường và mở đường đi dưới khe. Sau khi Ông Đ khai thác Keo thì trả lại hiện trường".

Sau khi hòa giải thành, UBND xã Hương Phú tiến hành các thủ tục để trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 07/4/2015, vợ chồng ông Nguyễn C, bà Lê Thị B được Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 649, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.246m^2 tại Khe Ông K, Thôn HA, xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau khi khai thác xong Ông Đ vẫn cố ý tiếp tục trồng Keo lên phần đất đã mở đường nên ông Nguyễn C có nhổ một ít cây Keo mà Ông Đ trồng. Năm 2019, Ủy ban nhân dân xã Hương Phú tiến hành đo đạc lại thực địa và tiến hành hòa giải, kết luận đất đang tranh chấp là của vợ chồng ông Nguyễn C, nhưng Ông Đ không đồng ý nên buổi hòa giải không thành.

Nay ông Nguyễn C yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng Ông Đ, bà H trả lại diện tích đất lấn chiếm là 218,5m^2, bao gồm 02 khu vực, trong đó: Khu vực lấn chiếm thứ nhất (Ký hiệu A) có diện tích 199,7m^2; khu vực lấn chiếm thứ hai (Ký hiệu B) có diện tích 18,8m^2.

Đối với 92 cây Keo trồng trên đất đang tranh chấp, ông Nguyễn C, bà Lê Thị B yêu cầu được nhận và thanh toán giá trị cây trồng cho vợ chồng Ông Đ, bà H theo kết luận định giá tài sản là (92 x 21.770) = 2.002.000 đồng.

Về chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn C yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Minh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H (Vợ Ông Đ) tham gia tố tụng với bên bị đơn, không có yêu cầu độc lập trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp giữa ông Huỳnh Minh Đ và ông Nguyễn C trước đây là Khe Ông K tiếp giáp với phần đất của ông Nguyễn C và phần đất của ông Trần Hà (Thửa đất 648). Năm 2012, Ông Đ mở đường đi để chở Keo sát mép đất của Khe Ông K, lúc này Ông Đ xác định đất Ông Đ mở con đường là đất bờ khe không liên quan đến thửa đất của ông Nguyễn C. Quá trình xe chạy bị lún nên Ông Đ lấy đá để bồi lại phần đất bị lún với diện tích khoảng 80m2. Năm 2013, Ông Đ trồng Keo trên chính con đường mà Ông Đ đã mở. Năm 2014, thì ông Nguyễn C lên tranh chấp với phần diện tích đất khoảng 80m^2 mà Ông Đ đã trồng Keo. Năm 2015, Ủy ban nhân dân xã Hương Phú tiến hành hòa giải và xác định: "Đây là đất bờ khe, bờ suối thuộc quyền quản lý của Nhà nước chứ không phải thuộc các cá nhân". Còn đối với Ông Đ sau khi khai thác Keo xong thì trả lại con đường đi như ban đầu thì Ông Đ cũng đồng ý, nhưng vì phía dưới phần đất Ông Đ đang trồng Keo đã có một con đường đi và bà con nhân dân vẫn đi lại bình thường nên Ông Đ tiếp tục trồng Keo.

Sau khi Ông Đ trồng lại Keo thì ông Nguyễn C dùng thuốc diệt cỏ phun chết hết Keo, còn sót lại vài cây. Sau đó, Ông Đ dùng máy đào, đào một con mương chia tách phần đất đang tranh chấp và Ông Đ tiếp tục trồng Keo. Năm 2019, Ủy ban nhân dân xã Hương Phú tiến hành đo đạc lại thửa đất đã cấp cho ông Nguyễn C, bà Lê Thị B và phần đất đang tranh chấp, nhưng Ông Đ không đồng ý kết quả đo đạc với lý do:

Thứ nhất, cán bộ địa chính xã Hương Phú sử dụng máy đo định vị để đo lại diện tích đất đã cấp cho ông Nguyễn C và phần đất đang tranh chấp là không chính xác, có sai số, Ông Đ yêu cầu phải đo bằng thước dây.

Thứ hai, năm 2014 khi Ông Đ và ông Nguyễn C đang tranh chấp, nhưng đến ngày 07/4/2015 vợ chồng ông Nguyễn C, bà Lê Thị B lại được Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Ông Đ không đồng ý.

Vì vậy, Ông Đ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C vì theo Ông Đ đất đang tranh chấp không thuộc quyền sử dụng của Ông Đ và cũng không thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn C, bà Lê Thị B mà đất này là đất bờ khe, bờ suối.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; ông Nguyễn C, bà Lê Thị B tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Ông Đ, bà H vắng

mặt trong một số phiên họp, phiên hòa giải là vi phạm Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 9 Điều 26, 35, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 579, 580, 583 Bộ luật dân sự; Điều 203 của Luật đất đai để giải quyết theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C, buộc vợ chồng ông Huỳnh Minh Đ, bà Lê Thị H trả lại cho ông Nguyễn C, bà Lê Thị B diện tích đất lấn chiếm là 218,5m^2; giao lại toàn bộ 92 cây Keo trồng trên đất tranh chấp cho vợ chồng ông Nguyễn C, bà Lê Thị B được quyền sở hữu, đồng thời ông Cúc, bà Bảo phải thanh toán giá trị cây Keo cho Ông Đ, bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Nguyễn C có đơn khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Minh Đ trả lại đất và khai thác cây Keo trên đất đã lấn chiếm, xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ông Huỳnh Minh Đ là bị đơn, bà Lê Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập và đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đồng thời giữ nguyên ý kiến của mình không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C. Việc Ông Đ, bà H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt Ông Đ, bà H là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu có trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn C, bà Lê Thị B và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Nguồn gốc thửa đất số 649, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.246m^2 tại Khe Ông K, Thôn HA, xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế đang tranh chấp được gia đình ông Nguyễn C khai hoang từ năm 1993, quá trình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp và vợ chồng ông Nguyễn C, bà Lê Thị B là người trực tiếp sản xuất trên thửa đất này. Năm 2014, khi ông Nguyễn C, bà Lê Thị B chưa được Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Huỳnh Minh Đ có hành vi lấn chiếm phần đất để làm con đường đi chở Keo, sau đó trồng Keo trên phần đất này thì ông Nguyễn C ngăn cản nên xảy ra tranh chấp và đã được Ủy ban nhân dân xã Hương Phú hòa giải thành nên Ủy ban nhân dân xã Hương Phú tiến hành niêm yết và chuyển hồ sơ đề nghị

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lên cấp trên theo quy định và không có ai khiếu nại gì. Theo đó, ngày 07/4/2015, vợ chồng ông Nguyễn C, bà Lê Thị B được Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 2.246m^2, tại thửa đất số 649, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại Khe Ông K, Thôn HA, xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế là đúng quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của ông Huỳnh Minh Đ cho rằng Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn C, bà Lê Thị B trong khi có tranh chấp với ông Huỳnh Minh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Huỳnh Minh Đ căn cứ vào biên bản giải quyết tranh chấp tại Ủy ban nhân dân xã Hương Phú để cho rằng đất đang tranh chấp là đất bờ khe, bờ suối không của riêng ai là không có căn cứ pháp luật vì qua làm việc với Ủy ban nhân dân xã Hương Phú và các tài liệu khác chứng minh nguồn gốc đất này do gia đình ông Nguyễn C khai hoang từ năm 1993, giai đoạn năm 1996-1998 có Đoàn đo đạc đã đi đo vẽ các thửa đất và không có phần đất nào của ông Huỳnh Minh Đ; ông Huỳnh Minh Đ không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh mình có quyền sử dụng đối với phần đất đang tranh chấp.

Đối chiếu với các vị trí mốc giới đo vẽ do Ủy ban nhân dân xã Hương Phú lập, được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nam Đông kiểm tra, xác nhận. Quá trình Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và tại Công văn số 145/TNMT-ĐĐ ngày 15/9/2020 của phòng Tài nguyên và Môi trường, thấy rằng toàn bộ các mốc giới, vị trí là hoàn toàn phù hợp với nhau và phần đất mà ông Nguyễn C đang tranh chấp với ông Huỳnh Minh Đ nằm trong thửa đất của ông Nguyễn C, bà Lê Thị B đã được Ủy ban nhân dân huyên Nam Đông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C là hoàn toàn có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc vợ chồng ông Huỳnh Minh Đ, bà Lê Thị H phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm của ông Nguyễn C, bà Lê Thị B với tổng diện tích là 218,5m^2 (Được chia làm 2 khu vực, trong đó: Khu vực A (Ký hiệu A) có diện tích 199,7m^2; khu vực B (Ký hiệu B) có diện tích 18,8m2) và có các hướng tiếp giáp, hướng Bắc giáp phần đất của ông Phạm D, hướng Nam giáp với phần đất của ông Huỳnh Minh Đ, hướng Đông giáp với phần đất ông Nguyễn C, hướng Tây giáp với Khe Ông K.

Đối với cây trồng trên đất là các cây Keo mà vợ chồng ông Huỳnh Minh Đ, bà Lê Thị H trồng có nhiều độ tuổi khác nhau, trong đó cao nhất là 01 năm tuổi nên vẫn chưa đến thời kỳ có thể khai thác được. Để đảm bảo cho việc giải quyết được toàn diện, phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của ông Nguyễn C, bà Lê Thị B. Giao toàn bộ 92 cây Keo này cho vợ chồng ông Nguyễn C, bà Lê Thị B được quyền sở hữu. Ông Nguyễn C, bà Lê Thị B có trách nhiệm thanh toán giá trị cây Keo cho vợ chồng ông Huỳnh Minh Đ, bà Lê Thị H với số tiền 2.002.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày 15/9/2020.

[3] Về chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản: Nguyên đơn ông Nguyễn C đã nộp số tiền 4.630.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C được chấp nhận toàn bộ nên ông

Huỳnh Minh Đ, bà Lê Thị H phải liên đới chịu khoản chi phí này theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Huỳnh Minh Đ, bà Lê Thị H có trách nhiệm hoàn lại số tiền 4.630.000 đồng cho ông Nguyễn C.

[4] Về án phí: Theo biên bản định giá tài sản ngày 15/9/2020 thì 01m^2 đất rừng sản xuất có giá trị là 7.000 đồng. (218,5m^2 x 7.000 đồng = 1.529.500 đồng)

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Minh Đ, bà Lê Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn C, bà Lê Thị B phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng. Ông Nguyễn C đã nộp đủ số tiền này nên bà Lê Thị B không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 257, 258, 259, 261, 262, 265 và Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 170, Điều 203 Luật đất đai; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn C.

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Minh Đ, bà Lê Thị H phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm cho vợ chồng ông Nguyễn C, bà Lê Thị B với tổng diện tích là 218,5m^2 (Được chia làm 2 khu vực, trong đó: Khu vực A (Ký hiệu A) có diện tích 199,7m^2; khu vực B (Ký hiệu B) có diện tích 18,8m2) và có các hướng tiếp giáp, hướng Bắc giáp phần đất của ông Phạm Dụ, hướng Nam giáp với phần đất của ông Huỳnh Minh Đ, hướng Đông giáp với phần đất ông Nguyễn C, hướng Tây giáp với Khe Ông K. Có sơ đồ bản vẽ chi tiết thửa đất kèm theo.

2. Giao cho vợ chồng ông Nguyễn C, bà Lê Thị B được quyền sở hữu 92 cây Keo là tài sản của vợ chồng ông Huỳnh Minh Đ, bà Lê Thị H đã trồng. Ông Nguyễn C, bà Lê Thị B có trách nhiệm thanh toán giá trị cây Keo cho vợ chồng ông Huỳnh Minh Đ, bà Lê Thị H với số tiền 2.002.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng (Xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ sơ đồ, định giá tài sản): Ông Huỳnh Minh Đ, bà Lê Thị H phải liên đới chịu 4.630.000 đồng, đồng thời ông Huỳnh Minh Đ, bà Lê Thị H có trách nhiệm liên đới hoàn lại số tiền 4.630.000 đồng cho ông Nguyễn C.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn C, bà Lê Thị B phải liên đới chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền mà ông Nguyễn C đã nộp tạm ứng án phí hai lần là 600.000đ *(Sáu trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000750 ngày 11/5/2020 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008270 ngày 26/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn C số tiền chênh lệch tạm ứng án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

- Buộc vợ chồng ông Huỳnh Minh Đ, bà Lê Thị H phải liên đới chịu số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Huỳnh Minh Đ, bà Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hồ Minh Thược